

NHỮNG NÉT CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI PERU

Nguyễn Anh Hùng
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Peru là nước nổi bật trên lục địa Nam Mỹ bởi có điều kiện địa lý - tự nhiên đa dạng, nền văn minh Inca rực rỡ, nhịp sống tự do - cởi mở, chế độ kinh tế hướng ngoại và sự phong phú sắc tộc. Quốc gia này còn cuốn hút sự quan tâm vì nó tồn tại và phát triển với một tiến trình lịch sử chính trị - xã hội đầy biến động, độc đáo mà phức tạp...

I. Peru ngày xưa

Những cư dân đầu tiên ở Peru là người da đỏ châu Mỹ. Họ vốn mang nguồn gốc châu Á, từ vùng Siberi (Nga) tràn qua eo biển Bering để tới Bắc Mỹ cách đây chừng 10.000 năm, rồi tiến dần xuống phía Nam. Họ đến vùng ven biển miền Bắc Peru từ khoảng năm 2500 trước Công nguyên (TCN).

Những người Peru cổ đại này sống trong nhà xây bằng gạch mộc, trồng khoai tây, đậu nành, sợi vải dệt may áo, đánh cá và săn bắt chim thú. Từ khoảng thế kỷ 13 TCN, bắt đầu việc áp dụng trồng ngô (một loại cây lương thực cho thu hoạch khá ổn định hàng năm) và sự phát triển toàn diện nông nghiệp đã trở thành chất xúc tác quan trọng làm nảy sinh các nền văn minh rực rỡ, kèm theo là xuất hiện nhà nước. Nhà nước trung ương đầu tiên ra đời tại cao nguyên phía Bắc (nhưng có thể kiểm soát cả miền cao nguyên lẫn vùng

thấp ven biển) là Vương quốc Chavin và tồn tại phồn thịnh trong khoảng 500 năm (950-450 TCN).

Sau khi nền văn hoá Chavin sụp đổ vào thế kỷ đầu sau Công nguyên, hàng loạt nền văn hoá cùng nhà nước với đặc trưng địa phương lần lượt ra đời và tan rã trong suốt cả 1000 năm tiếp theo. Khu vực ven biển có các nền văn hoá nổi bật là Gallinazo, Mochica, Paracas, Nazca, Chimu. Còn trên vùng cao nguyên, cả hai nền văn hoá lớn là Tiwanaku (Tiahuanaco) cạnh hồ Titicaca ở Bolivia, và Wari (Huari) gần thành phố Ayacucho ngày nay, đều phát triển mạnh về đô thị cùng rất nhiều nhà nước trong những năm 500-1000. Thời kỳ 1000-1450, sự đa dạng và phân hoá sắc tộc diễn ra mãnh liệt, hậu quả là cuối giai đoạn này, ở Peru có tới nhiều chục nghìn dân tộc.

Người Inca sống tại Cusco (Cuzco) là đại diện của một dân tộc thiểu số tương đối nhỏ - dân tộc Quechuas - nhưng đã biết mở rộng và liên kết với các dân tộc lân cận ngay từ đầu thế kỷ 13. Tiến trình đó diễn ra ngày càng nhanh và đến giữa thế kỷ 15, Inca đã trở thành một đế quốc hùng mạnh. Đại Hoàng đế Pachacuti Inca Yupanqui (1438-1471) cho ban hành bộ luật khá toàn diện Tawantinsuyu để cai trị lãnh địa bao la và củng cố

quyền lực tinh thần tuyệt đối bằng nhân danh thần Mặt Trời. Dưới thời thống trị của ông rồi con trai ông - Topa Inca Yupanqui (1471- 1493), Peru trở thành trung tâm khu vực với thủ đô Cusco, người Inca trở thành người kiểm soát toàn bộ 1/3 diện tích Nam Mỹ với tổng số dân dao động từ 9-16 triệu người.

Những năm đầu thế kỷ 16, đế quốc Inca dần suy yếu do thiên miên trong nội chiến và bệnh tật. Sự ra đi sớm vì bệnh sỏi của Hoàng đế Huayna Capac (1493-1524) đã mở đường cho cuộc tranh giành quyền lực giữa hai hoàng tử là con chính thức Huascar (người từ Cusco) và con hoang Atahualpa (người từ Quito). Sau cuộc đấu đá kéo dài 5 năm (1528-1532), Atahualpa (1532-1533) đã thắng và ông ta đã tra tấn rồi hành quyết hơn 300 thành viên trong gia đình Huascar.

II. Bị Tây Ban Nha chinh phục

Sự kiện Columbus tìm ra châu Mỹ năm 1492 đã mở màn cho công việc chinh phục Trung và Nam Mỹ của người Tây Ban Nha trong thế kỷ 16. Một nhà quý tộc Tây Ban Nha khá giản dị nhưng mạnh mẽ, thông minh và táo bạo là Francisco Pizarro cũng nồng nhiệt tham gia quá trình này. Ông lãnh đạo cuộc xâm chiếm Nicaragua năm 1522. Đầu năm 1524, Pizarro tiếp tục lập thêm một số đoàn thám hiểm, chinh phục, từ phía Nam Panama tiến dọc theo bờ biển phía Tây của Nam Mỹ và ông sử dụng nguồn tài chính bằng vốn riêng của mình.

Pizarro đến miền Bắc Peru năm 1531 với lực lượng quân đội nhỏ khoảng 180 người và 30 con ngựa. Ngày 15/11/1532 ông tới được Cajamarca - trung tâm cư ngụ vào mùa hè của thổ dân Inca trên cao

nguyên. Ông yêu cầu người Inca phải từ bỏ thủ lĩnh Atahualpa và chấp nhận một hiệp định phụ thuộc với Tây Ban Nha. Dù chỉ ít người nhưng bằng kinh nghiệm và kỹ thuật cao, Pizarro đánh tan được đội quân Inca 5000-6000 kỵ binh, bắt giữ rồi giết hại Atahualpa sau khi đã lừa để nhận hàng chục tấn vàng bạc trao đổi sự tự do cho thủ lĩnh này.

Ngày 15/11/1533 - tròn 1 năm sau khi tới Cajamarca - Pizarro được tăng cường 5000 viện binh người gốc châu Mỹ, đã đánh chiếm được thủ đô Peru, biến Hoàng đế Manco Capac II thành tù nhân. Tuy nhiên, sự củng cố quyền lực Tây Ban Nha tại Peru những năm sau đó gặp trở ngại bởi sự kháng cự của người bản xứ và chuyện chia rẽ nội bộ trong ban lãnh đạo Tây Ban Nha nơi đây. Thái độ keo kiệt và hung bạo của nhiều người Tây Ban Nha đô hộ cùng những tác động khắt khe của luật lệ thuộc địa mới đã làm tăng các cuộc nổi loạn vào năm 1536 và thay đổi quan điểm của Manco. Manco rút lui về Vilcabamba - một miền đất xa xôi, lập nên một vương quốc độc lập Inca và duy trì được nó đến năm 1572. Sự phản kháng của dân bản xứ diễn ra mạnh với việc tạo lập dị giáo Taki Onqoy (nghĩa đen là "bệnh nhảy múa") luôn thuyết khích, khuyên răn mọi người loại bỏ đi tất cả Công giáo và phong tục Tây Ban Nha. Cuộc đấu đá phức tạp cũng nổ ra giữa nhóm theo Pizarro và nhóm theo Diego de Almagro - người cầm đầu viện binh. Almagro không thừa nhận sự kiểm soát Cusco của Pizarro nhưng vẫn phải chấp hành nên tay chân Almagro đã trả thù bằng việc ám sát được Pizarro năm 1541.

Triều đình Tây Ban Nha đành phải can thiệp, ban hành và thực thi Luật mới (Nuevos Leyes) trên lãnh địa

Peru; cho Gonzalo Pizarro - em trai Francisco Pizarro - cầm quyền từ năm 1542 và thay thế bằng Pedro de la Gasca từ năm 1548. Chính quyền Tây Ban Nha cùng nhà thờ Công giáo dốc sức ngăn chặn Taki Onqoy, chống sùng bái thần tượng và bắt giữ, đánh đập, trục xuất khỏi cộng đồng các lãnh đạo của dị giáo này. Cùng lúc, một chiến dịch truy kích và tấn công quy mô nhằm vào Hoàng gia Manco ở Vilcabamba. Cuối cùng, vua Tupac Amaru đã bị xử trảm bởi người Tây Ban Nha tại Cusco, kết thúc triều đại chót của Đế quốc Inca và hoàn thành tiến trình 40 năm chinh phục Peru của Tây Ban Nha (1532 - 1572).

III. Thời kỳ thuộc địa

Cùng sức mạnh chinh phục, người Tây Ban Nha cũng mang tới Peru những căn bệnh gây tử vong mà thổ dân Inca chưa từng gặp phải: sởi, cúm, sốt rét, đậu mùa... Dịch bệnh hoành hành từ những năm 1530 đã khiến dân số suy sụp nghiêm trọng. Hậu quả là chỉ qua 40 năm, dân số Peru giảm tới 80%: từ 9-16 triệu người giảm xuống khoảng 8,3 triệu người vào năm 1548 và chỉ còn chừng 2,7 triệu vào năm 1570.

Việc khám phá ra những mạch mỏ bạc lớn tại Potosi ở Thượng Peru (ngày nay là Bolivia) năm 1545 và thủy ngân tại Huancavelica năm 1563 đã biến Peru trở thành "kho bạc khổng lồ của Tây Ban Nha tại Nam Mỹ". Kéo theo là, guồng kinh tế thuộc địa bắt đầu chuyển dịch từ sự chiếm đoạt trực tiếp sản xuất và của cải Inca sang việc bòn rút khoáng sản. Trong 10 năm đầu, Potosi đã đem lại khoảng 127 triệu peso cho mẫu quốc. Đồng thời, bạc từ Potosi đã tạo động lực và giúp phát triển một nền kinh tế sản

xuất và trao đổi nội bộ bao gồm không chỉ vùng cao nguyên miền Bắc, mà còn vùng đồng cỏ Argentina, thung lũng trung tâm Chile, miền duyên hải Peru và Ecuador. Cực phát triển chính của không gian kinh tế rộng lớn này là trục Lima-Potosi, nơi đây là những trung tâm quy tụ đô thị, nhu cầu thị trường, các luồng hàng hoá chiến lược (xuất khẩu bạc, nhập khẩu hàng châu Âu) và giá cả lạm phát.

Peru trở thành trung tâm các thuộc địa Nam Mỹ của Tây Ban Nha với Lima là nơi đặt các cơ quan đầu não. "Thành phố của những ông hoàng" (Los Réyes) này được Pizarro xây dựng làm thủ đô mới từ năm 1535. Lãnh địa Peru là một tổng trấn được cai trị bởi một viên Tổng quản - người xem như Phó vương thuộc địa của Quốc vương Tây Ban Nha. Tổng trấn chia thành các trấn, khu vực (*audiencias*), tiếp đó chia thành những tỉnh hoặc quận huyện (*corregimientos*), rồi cuối cùng là hệ thống đô thị tự trị mà mỗi đô thị tự trị gồm một thành phố hoặc thị xã (*cabildo*) nằm dưới sự quản lý, điều hành của một hội đồng các quan chức Tây Ban Nha và công dân ưu tú của địa phương. Các *corregidores* (quan chức hành chính địa phương Tây Ban Nha) được hỗ trợ bởi các *curacas* - đội ngũ thành viên bản địa ưu tú nhất đã được kẻ ngoại xâm sử dụng ngay từ đầu như nhân viên trung gian hoà giải giữa dân bản xứ với người châu Âu. Theo thời gian, các *corregidores* dần lợi dụng chức vụ của họ để vơ vét tài sản và nắm quyền thống lĩnh vùng nông thôn, xây dựng những khối liên minh với những giới chức khu vực và địa phương như các *curacas*, các quan chức bản địa người châu Mỹ, các quan chức thành phố, các linh mục vùng nông thôn (*doctrineros*), các địa chủ,

các thương nhân, các thợ mỏ và nhiều đối tượng khác.

Theo chân Francisco Pizarro cùng lực lượng quân sự trong suốt quá trình chinh phục, những thầy dòng đã nỗ lực thực thi nhiệm vụ của họ là biến thổ dân thành người Công giáo. Với cố gắng này, nhà thờ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tiếp biến về văn hoá của các dân tộc bản xứ, lôi kéo họ vào quỹ đạo văn hoá của thực dân Tây Ban Nha. Đồng thời, nó cũng gây ra làn sóng chiến tranh liên tục nhằm diệt trừ những tín ngưỡng tôn giáo bản địa. Từ cuối thế kỷ 16, nhà thờ bắt đầu có được đất đai và các của cải thiết yếu khác, củng cố vị thế là cơ quan quyền lực kinh tế quan trọng nhất trong suốt thời kỳ thuộc địa. Cùng thời gian đó, nó còn mang vai trò cơ bản của cơ quan giáo dục, cơ quan phúc lợi và - thông qua toà án - là cơ quan giám hộ tính chính thống.

Để tồn tại, người Peru dần phải thích nghi với sự thống trị của Tây Ban Nha, đồng thời phản kháng ngày càng mạnh để đòi hỏi những quyền lợi tối thiểu. Việc những curacas thường cấu kết với các corregidores cùng các linh mục địa phương tìm mọi cách lách luật hoàng gia và giành quyền kiểm soát đất đai, lao động... đã làm tăng thêm sức nặng đô hộ, dẫn đến nhiều cuộc nổi dậy của nông dân. Phong trào này được đẩy lên mạnh mẽ đột ngột vào thế kỷ 18 với 5 cuộc khởi nghĩa trong những năm 1740, 11 cuộc trong những năm 1750, 20 cuộc trong những năm 1760, và 20 cuộc trong những năm 1770. Đỉnh điểm của sự phản kháng này xảy ra trong năm 1780, khi mà Jose Gabriel Condorcanqui - một curaca giàu có và hậu duệ của tổ tiên Inca, người cảm thông với tầng lớp nông dân bản địa bị áp bức - đã bắt giữ và hành hình

một tên corregidore khét tiếng gần Cusco. Condorcanqui tiếp đó lập nên, lãnh đạo đội quân chống chính quyền gồm hàng chục nghìn dân nghèo địa phương và cả một số người châu Âu bất mãn, lấy tên Tupac Amaru II sau Inca cuối cùng, người mà ông có quan hệ. Bị bắt bởi lực lượng bảo hoàng năm 1781, Condorcanqui bị đem ra xét xử rồi hành hình thô bạo tại quảng trường chính ở Cusco. Tuy nhiên, các cuộc nổi dậy vẫn tiếp tục và thậm chí lan rộng vào Altiplano quanh hồ Titicaca dưới sự lãnh đạo của người anh em của ông - Diego Cristobal Tupac Amaru. Dù năm 1782 đã trấn áp xong nhưng chính quyền buộc phải nới lỏng áp bức và thực hiện một số cải cách theo nhu cầu của quân khởi nghĩa.

Nắm lấy cơ hội Hoàng đế Pháp Napoleon Bonaparte năm 1808 phế truất Ferdinand và thay thế bằng người tiếm quyền (Joseph Bonaparte) trên ngai vàng Tây Ban Nha, nhiều thuộc địa của Tây Ban Nha ở Nam Mỹ đồng loạt nổi dậy. Jose de San Martin vốn là con trai một sĩ quan quân đội Tây Ban Nha đóng lại Argentina, trước kia phục vụ trong quân đội Tây Ban Nha song lại giải ngũ, quay về quê hương Argentina để chỉ huy khởi nghĩa. Martin giành độc lập cho Argentina năm 1814, rồi đưa 5500 quân (một nửa là nô lệ da đen) sang giải phóng được Chile năm 1817. Tiếp đó, ông đưa quân tới giải phóng Peru và được ủng hộ rộng rãi. Tổng quản Peru buộc phải rút lực lượng khỏi thủ đô Lima. Ngày 28/7/1821, Martin tuyên bố Peru độc lập và sau đó ông được Hội đồng Nhân sĩ Peru mệnh danh là Người Bảo hộ. Tuy nhiên, là nhân vật nước ngoài và khá độc đoán nên Martin chưa được lòng dân, hơn nữa chính quyền thuộc địa Tây Ban

Nha vẫn chưa tan rã. Martin quyết định tìm kiếm sự trợ giúp của Simon Bolivar Palacios - người cùng thời đã lãnh đạo nhân dân giải phóng được phần lớn miền Bắc của Nam Mỹ thoát khỏi Tây Ban Nha. Hai lãnh tụ nổi tiếng này đã gặp nhau trong cuộc hội ngộ lịch sử tại Guayaquil vào giữa năm 1822 để dàn xếp các điều kiện cho một nỗ lực chung nhằm hoàn thiện tiến trình giải phóng Peru. Cuộc gặp thất bại do Bolivar từ chối một chiến dịch giải phóng chung; Martin chán nản đã chọn cách từ chức chỉ huy và rời khỏi Peru, đến Chile, rồi cuối cùng tha phương sang Pháp. Với sự trợ giúp đáng kể từ lực lượng Martin để lại, Bolivar tiến hành giải phóng nốt Peru và giành chiến thắng lẫy lừng trong trận Junín tháng 8/1824. Đánh tan lực lượng bảo hoàng của chính quyền thuộc địa tại đồn điền Ayacucho gần Huamanga (một thành phố sau này mang tên là Ayacucho) ngày 9/12/1824 là trận chiến cuối cùng, kết thúc kỷ nguyên dài cai trị của thực dân Tây Ban Nha tại Nam Mỹ.

IV. Độc lập nhưng suy tàn và bất ổn

Tiến trình quá độ Peru từ nền thống trị thực dân kéo dài hơn 3 thế kỷ sang nền độc lập danh nghĩa vào năm 1824 dưới thời Tổng thống đầu tiên Bolivar (1824-1826) đã chứng tỏ sự bất ổn về mặt chính trị. Độc lập đã thật sự không làm được gì trong việc lựa chọn các cấu trúc cơ bản của sự bất bình đẳng và kém phát triển dựa trên chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phong kiến mới. Về bản chất, nền độc lập chỉ đại diện cho sự chuyển đổi quyền lực từ những người Tây Ban Nha chính gốc sang các lĩnh vực của tầng lớp người châu Mỹ gốc Âu tinh

tuý, mục tiêu của họ nhằm bảo tồn và tăng cường vị thế kinh tế xã hội đặc lợi của mình. Tuy nhiên, những tinh hoa mới của lớp người châu Mỹ gốc Âu này không thể tạo dựng được một trật tự thể chế mới ổn định để thay thế sự trị vì vững chắc của nhà thờ và nhà nước trước đó. Nó cũng không sẵn sàng để tái thiết một trật tự xã hội theo cách có lợi cho việc xây dựng một chính phủ dân chủ và cộng hoà. Cuối cùng, vấn đề là sự thay thế tính chính thống của một trật tự cũ bằng một trật tự hoàn toàn mới sẽ làm chế độ hậu thực dân phải đối mặt với nhiều khó khăn không thể tránh khỏi.

Xuất hiện đội ngũ chính trị gia mạnh mẽ, cứng rắn và đầy mưu lược, được gọi là *caudillos*. Họ thường là những sỹ quan của các đội quân giải phóng, kiểm soát để thâm tóm quyền lực qua lực lượng vũ trang và chuẩn bị cho ra đời các liên minh lớn và phức tạp. Sự thống trị của thuyết nhân cách, chuyên quyền độc đoán thay thế cho sự thống trị của luật pháp, trong khi một cuộc đấu tranh kéo dài, phức tạp để giành quyền lực đã bắt đầu diễn ra ở tất cả mọi tầng lớp xã hội. Kết cục là sự tan vỡ về chính trị nội bộ và sự bất ổn theo dài trong suốt hai thập kỷ đầu sau khi độc lập. Từ năm 1821 đến 1845, Peru đã trải qua ít nhất 24 lần thay đổi chế độ (trung bình mỗi năm 1 lần) và Hiến pháp bị viết lại 6 lần.

Trong giai đoạn đầu, Bolivar đã nỗ lực song không thành công trong việc áp đặt một chính phủ tự do tập quyền không tưởng từ Lima. Khi các sự biến xảy ra ở Colombia buộc ông phải từ bỏ quyền lực Peru và quay trở về Bogota năm 1826, việc ra đi của ông đã để lại môi trường cạnh tranh béo bở cho nhiều chính khách có sức mạnh ngang ngửa đang cố gắng thế chỗ. Một trong

ít nhiệm kỳ thành công nhất là của Tướng Augustin Gamarra (1829-1834) đến từ Cusco, người đã tiêu diệt được hàng loạt cuộc phiến loạn và duy trì quyền lực trong 5 năm. Sau đó, nhiều cuộc chiến dân sự quy mô toàn diện đã xảy ra, đầu tiên là của Tướng Luis de Orbegozo (1834-1835) và sau là của Tướng Felipe Salaverry (1835-1836) nhằm vào chức Tổng thống trong các giai đoạn ngắn. Các cuộc tranh giành quyền lực đã đi đến tình trạng hỗn loạn như vậy vào những năm 1830 khi Tướng Andres de Santa Cruz y Calahumana đưa quân từ Bolivia sang Peru nhằm xây dựng liên minh Peru - Bolivia trong những năm 1836-1839. Liên minh này đã phá vỡ thế cân bằng về quyền lực trong khu vực, khiến Chile phải lập nên một đội quân quy mô để đánh bại Santa Cruz và khôi phục lại vị thế, làm tái diễn mâu thuẫn bè phái giữa các nước trong khu vực.

Sự suy sụp trong thế bất ổn chính trị kinh niên đã đẩy nhanh sự xuống dốc của nền kinh tế Peru sau độc lập. Suốt những năm 1820, ngành khai thác mỏ bạc - động lực phát triển truyền thống của đất nước - bị suy yếu trong khi việc rút tư bản ồ ạt đã dẫn đến thâm hụt ngoại thương lớn. Mặt khác, việc nhập khẩu hàng may mặc của Anh với quy mô rộng rãi cuối cùng cũng phá huỷ nền sản xuất thủ công trong nước và hàng Peru không thể cạnh tranh với các đối thủ nước ngoài vốn có công nghệ hiện đại và chi phí hiệu quả hơn. Nền kinh tế yếu kém đặc trưng bởi mức thặng dư thị trường thấp của phần lớn các công xưởng tự cung tự cấp và các cộng đồng bản xứ.

Đầu những năm 1830, ngành công nghiệp khai thác mỏ bạc bắt đầu phục hồi, nhanh chóng quay về các mức sản

lượng của thực dân trước kia vào đầu những năm 1840. Sự khôi phục kinh tế được đẩy mạnh vào những năm 1840 khi miền Nam bắt đầu xuất khẩu khối lượng lớn len sợi, nitrat và phân bón.

Mở rộng xuất khẩu đã giúp ổn định tình hình tại Peru, đặc biệt dưới sự lãnh đạo với tài quản lý nhà nước, chuyên quyền của Tướng Marshall Ramon Castilla (1845-1851 và 1855-1862). Việc Castilla lên nắm quyền, đến cùng sự tấn công vào cuộc bùng phát phân chim, đánh dấu bước khởi đầu của một thời kỳ tăng trưởng kinh tế tuyệt vời và ổn định chính trị đã kết thúc một cách hiệu quả sự suy thoái của đất nước sau độc lập. Vì thế, với nhiều nhà nghiên cứu, Peru trong suốt thời kỳ được gọi là "kỷ nguyên phân chim" (1845-1870) dường như có sự sắp đặt độc nhất vô nhị để rồi nổi lên như một quốc gia ưu việt trong số tất cả các nước Nam Mỹ.

V. Kỷ nguyên phân chim

Sự bùng phát phân chim có lẽ do việc di cư của hàng triệu con chim trên đảo Chincha, điều này được chứng minh là một vấn đề thịnh vượng thực sự đối với Peru, chính thức bắt đầu từ những năm 1840 - vì vào thời điểm mà tài nguyên thiên nhiên này đã được khai thác cạn kiệt 3 thập kỷ sau, Peru đã xuất khẩu được tới khoảng 12 triệu tấn sang thị trường châu Âu và Bắc Mỹ. Căn cứ vào lưu lượng doanh thu thực sự khổng lồ cho Nhà nước (khoảng 500 triệu USD thời đó), Peru xuất hiện vào những thập kỷ giữa thế kỷ 19 với cơ hội phát triển mạnh mẽ.

Về mặt tích cực, sự tăng trưởng kinh tế - dẫn đầu là khai thác và xuất khẩu phân chim, đạt trung bình 9% mỗi năm trong những năm đầu thập

niên 1840 - và phát triển nhanh chóng của Chính phủ tạo nền tảng cho việc củng cố Nhà nước. Castilla lần lượt chống đỡ hiệu quả lại được việc phân loại tín dụng của đất nước và vào năm 1854 cũng tẩy rửa được những dư âm xấu của thời nô lệ thuộc địa trước đây. Ông tuyên bố hiện đại hoá quân đội quốc gia, đồng thời tập trung hoá quyền lực nhà nước theo cách thức không có lợi cho các caudillos địa phương.

Sự phát triển tốt công nghiệp và thương mại phân chim cũng nảy sinh những tiêu cực. Castilla quốc hữu hoá phân chim nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho Nhà nước, song để làm được điều này thì cần phải ép buộc các lĩnh vực mô hình thuộc địa cũ của nền kinh tế chính trị thương mại. Sau đấy, Nhà nước phân công thương mại hoá phân chim cho những ngành tư nhân ưu tiên nhất định ở Lima, trong đó liên quan đến cả nước ngoài. Điều này đã tạo ra mối quan hệ hợp tác thường xuyên và bất chính giữa Nhà nước với một tập đoàn "tự do" mới của những người được phân công, uỷ thác phân chim.

Vào những năm 1870, sự tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị mạnh hơn đã tạo điều kiện cho việc ra đời các đảng phái chính trị đầu tiên, quy tụ các nhà tài phiệt phân chim, các thương nhân mới phát, các chủ đồn điền, các lái buôn... Họ quan niệm thời đại mới của thương mại quốc tế, kinh doanh và tài chính cần phải hiện hữu những kỹ năng quản lý mà chỉ sự lãnh đạo dân quyền mới có thể tạo ra được. Ứng viên sáng giá của họ là Manuel Pardo - người mới 37 tuổi nhưng từng là Thị trưởng Lima và có ảnh hưởng đặc biệt về tư tưởng tựa như một Bộ trưởng Tài chính. Ông thay thế chính phủ trì trệ của Colonel

Jose Balta (1868-1872), trở thành Tổng thống Peru đầu tiên được dân bầu, vào năm 1872. Nhưng hỗn loạn tài chính và xã hội gia tăng cùng việc không trả được các khoản nợ nước ngoài khiến Pardo bất lực. Đảng Civilista thấy cần phải thiết lập lại một chế độ quân sự nên đưa ứng viên nặng ký Mariano Ignacio Prado (người từng chỉ huy quân đội chống lại cuộc tấn công của hải quân Tây Ban Nha năm 1865 và cầm quyền như một Tổng thống năm 1865-1867) ra tranh cử. Prado đắc cử năm 1876 và đã đưa đất nước vào cuộc chiến tranh với nước láng giềng phía nam (Chile) năm 1879.

VI. Cuộc chiến Thái Bình dương

Cuộc chiến với Chile hình thành qua sự tranh chấp sa mạc Atacama giàu chất nitrat. Cả Peru lẫn đồng minh Bolivia trong việc đối trọng chống lại Chile đều không đủ khả năng củng cố những yêu sách lãnh thổ vùng sa mạc và điều này dẫn đến quyền lực của Chile ngày càng tăng. Chile chọn tấn công Bolivia sau khi Bolivia phá Hiệp định 1866 giữa hai nước do tăng thuế về xuất khẩu nitrat từ khu vực (mà chủ yếu do những công ty Chile kiểm soát). Đáp lại, Bolivia khẩn cầu sự liên minh bí mật với Peru bằng Hiệp ước 1873 dẫn tới chiến tranh.

Peru trong thế bị động, tham gia cuộc chiến mà không chuẩn bị được trước, đặc biệt là từ khi chính phủ chống quân phiệt Pardo đã cắt giảm ngân sách quốc phòng. Trong thất bại hải chiến đầu tiên ở vịnh Iquique, Peru mất 1 trong 2 tàu chiến bọc thép - phương tiện quân sự hiện đại nhất của nước này thời đó. Khoảng 5 tháng sau, mất luôn cái còn lại. Việc này tạo

điều kiện cho Chile toàn quyền kiểm soát vùng biển và do vậy chính thức tuyên bố khởi chiến. Mặc dù người Peru ngoan cường chiến đấu chống lực lượng viễn chinh tinh nhuệ của Chile, nhưng sau thảm bại ở thủ đô Lima năm 1881, họ phải rút lui, dùng đến chiến tranh du kích rồi cuối cùng buộc phải giải quyết bằng phương thức hoà bình năm 1883. Hiệp ước Ancon nhường lại quyền lợi cho Chile tỉnh giàu nitrat Tarapaca; còn với Tacna và Arica thì Chile cũng được quyền sở hữu 10 năm sát trước khi một cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức tại hai tỉnh quyết định thuộc về nước nào của họ. Hoãn đi hoãn lại nhiều lần, cuối cùng năm 1929, Peru và Chile - với sự hoà giải của Mỹ - cũng thống nhất đi đến một giải pháp là tỉnh Tacna được hoàn trả cho Peru và Chile vẫn duy trì lâu dài quyền kiểm soát tỉnh Arica. Đối với Peru, chịu thất bại và bị chia cắt do Chile gây ra qua cuộc chiến này đã dẫn đến nhiều thảm hoạ, nhất là về lãnh thổ và kinh tế xã hội.

VII. Sự hồi phục và phát triển

Sau một quá trình xung đột mạnh mẽ về quyền công dân tương tự như sự hỗn loạn về chính trị trong suốt thời kỳ hậu độc lập nửa đầu thế kỷ 19, quân đội đứng đầu bởi Tướng Andres Avelina Caceres (người sẽ cầm quyền giai đoạn 1886-1890 và 1894-1895) đã thành công trong việc lập lại trật tự trong nước. Caceres là một người lai da đen và là một vị anh hùng của phong trào du kích kháng chiến chống lại sự chiếm đóng của Chile trong suốt cuộc chiến Thái Bình Dương, đã giành được chức Tổng thống năm 1886. Ông cũng thành công trong việc tạo lập một nền hoà bình chung và đã phá tan đội quân

phiến loạn tại Sierra - một đội quân liên minh cũ được chỉ huy bởi một người châu Mỹ bản địa, Pedro Pablo Atusparia.

Caceres bắt đầu công cuộc tái thiết đất nước sau khi giành chiến thắng. Điều cơ bản của chương trình tái thiết là hợp đồng cởi mở - đề nghị được đưa ra bởi một nhóm người Anh giữ trái phiếu nhằm huỷ bỏ khoản nợ nước ngoài để đổi lấy quyền hạn điều hành hệ thống đường sắt của Peru trong 66 năm. Hợp đồng này đã gây ra cuộc tranh cãi lớn giữa những người theo chủ nghĩa dân tộc (thấy rằng nó là sự phản bội các lợi ích quốc gia) với những người theo chủ nghĩa tự do (cho rằng nó sẽ tạo nên tảng cho quá trình phục hồi kinh tế bằng cách khôi phục lại việc đầu tư và sự tin cậy về khả năng trả nợ của Peru ở miền Tây). Cuối cùng, hợp đồng cũng được Quốc hội chấp thuận năm 1888. Nền kinh tế sớm chuyển sang thời kỳ phát triển liên tục và lâu dài. Xuất khẩu đã tăng gấp hơn 4 lần từ năm 1883 đến 1910 (đạt từ 1,4 lên tới 6,2 triệu bảng Anh); vốn đầu tư của Mỹ và Anh tăng gấp gần 10 lần từ năm 1880 đến 1917 (đạt từ 17 lên tới 161 triệu USD).

Năm 1894, Caceres giành được chức Tổng thống một lần nữa sau khi để cho người bạn chí cốt của ông là Colonel Remigio Morales Bermudes lên nắm quyền từ năm 1890. Ông bị Jose Nicolas de Pierola lật đổ trong cuộc cách mạng năm 1895. Pierola (1895 - 1899) là tộc trưởng và đã mở ra "nền cộng hoà quý tộc" giai đoạn 1895-1914 vì suốt thời kỳ này, ông và những người kế nhiệm đều thuộc dòng dõi quý tộc và tầng lớp thượng lưu. Peru hiện đại hoá rất nhanh nền kinh tế, chính trị và xã hội có nhiều thay đổi nhưng khá hài hoà. Đảng

Civilista nổi bật thành đảng phái quan trọng nhất, hình thành đội ngũ trùm sỏ chính trị và thâu tóm chức vụ Tổng thống.

Tuy nhiên, Civilista không thể kiểm soát được các lực lượng lao động xã hội mới đại diện bởi nhà doanh nghiệp theo chủ nghĩa dân túy Guillermo Billinghurst. Đắc cử Tổng thống năm 1912, Billinghurst mâu thuẫn gay gắt với Quốc hội vốn gồm đa số nghị sĩ là đảng viên Civilista. Khi Quốc hội mở phiên toà buộc tội phản quốc vào năm 1914, ông đã đe dọa trang bị vũ khí cho công nhân và giải tán Quốc hội, khiến lực lượng vũ trang bất bình, đảo chính, đưa Colonel Oscar Raimundo Benavides (1914-1915, 1933-1936 và 1936-1939) lên nắm quyền. Hành động táo bạo đó đã đánh dấu sự bắt đầu của mối liên kết lâu dài giữa quân đội với chính thể trùm sỏ mà các lợi ích, đặc ân của họ được bảo đảm cho nhau tới tận lúc diễn ra cuộc cách mạng năm 1968.

Những hệ tư tưởng mới cấp tiến (vốn xuất phát từ các cuộc cách mạng ở Nga và Mexico), đã kích động hơn nữa tình trạng náo động xã hội gia tăng tại Peru vào cuối cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918). Năm 1918-1919, chính quyền Pardo phải vất vả đối phó với phong trào bãi công và biểu tình chưa từng thấy của công nhân cùng sinh viên được chỉ đạo bởi Victor Raul Haya de la Torre - một sinh viên trẻ đầy nhiệt huyết của trường đại học San Marcos, và Jose Carlos Mariategui - một nhà báo tài ba của Lima luôn bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân mới ở thành thị. Tình trạng lộn xộn này đem lại lợi ích cho cựu Tổng thống Augusto B. Leguia y Salcedo (người rời bỏ Đảng Civilista ngay sau nhiệm kỳ đầu tiên 1908-1912) khi ông

ra tranh cử Tổng thống năm 1919 như một ứng viên độc lập với bản cương lĩnh kêu gọi các giai cấp công nhân và tầng lớp trung lưu nổi dậy. Ứng viên mạnh mẽ và linh hoạt này lại giành được cương vị lớn nhất của Peru cho dù ông là người có hình vóc rất nhỏ bé (chỉ cao chừng 1,5m và nặng khoảng 45kg).

Sự cầm quyền suốt 11 năm (1919-1930) của Leguia được biết đến như là *oncenio*, bắt đầu bằng một thể chế mới và tiến bộ năm 1920 đã làm tăng quyền lực nhà nước để thực hiện hàng loạt cải cách kinh tế và xã hội. Hệ thống cai trị này làm thay đổi một thời kỳ khủng hoảng kinh tế hậu chiến tranh và sau đó dẫn tới sự tăng trưởng kinh tế đáng kể bằng cách mở ra cho đất nước hàng loạt những khoản cho vay và đầu tư nước ngoài. Nó cho phép Leguia thay thế nền chính trị trùm sỏ của Civilista bằng một nền tảng chính trị mới mẻ và trung lưu, đem lại thành công cho các thoả thuận nhà nước và mở rộng chế độ quan chức chính phủ. Tuy nhiên, hệ thống cai trị của Leguia không thể tồn tại lâu vì tư tưởng và chế độ độc tài từ ông dần xuất hiện. Ông thẳng tay đàn áp phong trào sinh viên và nhân dân lao động, thanh trừng Quốc hội thuộc phe đối lập, cho sửa đổi Hiến pháp để mình có thể tiếp tục nắm quyền qua cuộc bầu cử năm 1924 và lại lần nữa năm 1929. Sự lạm quyền trên kết hợp với những rắc rối về biên giới, lãnh thổ cùng hao hụt tài chính do tham nhũng và vỡ nợ nước ngoài đã khiến quân đội phải can thiệp, lật đổ Leguia năm 1930 (ông ta chết trong tù năm 1932).

Từ cuối thời kỳ Leguia, lực lượng cánh tả hình thành và phát triển mạnh. Trước khi chết ở tuổi 35 vào năm 1930, Mariategui đã sáng lập

Đảng Cộng sản Peru (Partido Comunista Peruano - PCP) và mặc dù trung thành với chủ nghĩa Marx, ông cũng sớm nhận ra tiềm năng cách mạng của tầng lớp nông dân bản xứ Peru cùng một số giai cấp lao động khác không phải công nhân. Còn Torre thì trở về Peru sau thời gian dài lưu vong để tổ chức khối Liên minh Cách mạng Nhân dân châu Mỹ (Alianza Popular Revolucionaria Americana - APRA) vốn được ông thành lập năm 1924 ở Mexico và ông cho rằng giai cấp công nhân phải được liên kết chặt chẽ với những thành phần cấp tiến của các tầng lớp trung lưu mới. Cả hai đảng - PCP theo chủ nghĩa Marx và APRA từ người theo chủ nghĩa dân túy - đều tìm kiếm để tổ chức và lãnh đạo những giai cấp công nhân và trung lưu mới, mà hiện đã bị chuyển vị và trở thành cấp tiến do tình trạng suy sụp. Bằng tài năng, sức thuyết phục riêng và sự truyền đạt dân túy, Torre đã giành được sự ủng hộ của hàng loạt tầng lớp bình dân và trở thành một nhân vật nổi bật trong nền chính trị Peru cho tới khi ông chết vào năm 1980 ở độ tuổi 86.

VIII. Chế độ tam hùng

Sau năm 1930, cả lực lượng quân sự (giờ đã liên minh chặt chẽ với lực lượng trùm sỏ và được giáo hội ủng hộ) lẫn lực lượng cánh tả (đặc biệt là APRA) đều trở thành các lực lượng mới quan trọng trên vũ đài chính trị Peru. Giai đoạn 1930-1968 hệ thống chính trị Peru được coi như hoạt động theo kiểu "tay ba", với hành vi cơ bản là lực lượng quân sự tuân theo mệnh lệnh của lực lượng trùm sỏ để đàn áp những phong trào chính trị "ương bóng" do APRA và PCP lãnh đạo.

Trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1931, Trung tá Luis M. Sanchez Cerro (1931-1933) đã lợi dụng sự yêu mến của nhân dân đối với mình từ việc sụp đổ chế độ Leguia, đắc cử Tổng thống và công khai chống Torre cùng đảng APRA. Tháng 7/1932, APRA tiến hành đảo chính nhưng bất thành vì bị quân đội đàn áp đẫm máu. Tháng 4/1933, Cerro bị thành viên APRA ám sát và Quốc hội chỉ định cựu Tổng thống Benavides lên thay. Trong cuộc bầu cử đầy tranh chấp năm 1936, Torre bị ngăn cản ra tranh cử và chính Benavides đã bác bỏ sự đồng thuận của Quốc hội để tiếp tục nắm giữ quyền lực và kéo dài nhiệm kỳ Tổng thống của mình đến tận năm 1939. Những chính sách của Benavides kết hợp với tính thống nhất cao về kinh tế, các giải pháp về cải cách xã hội được đưa ra nhằm lôi kéo những tầng lớp trung lưu rời khỏi đảng APRA.

Manuel Prado y Ugarteche (1939-1945) đắc cử Tổng thống năm 1939 chuyển sang mềm dẻo hơn với phe đối lập APRA. Torre cũng dần trở nên trung dung, không cực đoan "chống chủ nghĩa tư bản" như trước nữa mà thay bằng kêu gọi dân chủ hơn, thu hút nhiều nguồn đầu tư nước ngoài hơn và hài hoà trong quan hệ quốc tế. Luật gia Jose Luis Bustamante y Rivero (1945-1948) được bầu làm Tổng thống năm 1945 trên cơ sở liên minh với APRA. Tuy nhiên, tình trạng lạm phát, việc sử dụng lao động chưa thích hợp và yếu kém về quản lý đã làm cho chính phủ mới ngày càng bất ổn. Bustamante lúng túng trong phương thức giải quyết mâu thuẫn với Quốc hội do APRA kiểm soát. Năm 1948, lực lượng quân sự - dưới áp lực từ phía trùm sỏ - đã lật đổ chính phủ,

đưa Tướng Manuel A. Odria lên làm Tổng thống (1948-1950 và 1950-1956).

Odria tạo lập một chế độ độc tài tư hữu trên toàn quốc, quay lại chính sách công khai đàn áp cánh tả và hệ thống thị trường tự do. Torre phải chạy tỵ nạn trong Đại sứ quán Colombia ở Lima từ năm 1949 và sống lưu vong từ năm 1954. Nhưng cùng với đàn áp, Odria đã khôn khéo kiếm tìm những thủ đoạn để phá vỡ sự ủng hộ của quần chúng đối với APRA bằng cách tạo lập mối quan hệ lệ thuộc và theo kiểu gia trưởng đối với lực lượng lao động, người nghèo đô thị... thông qua hàng loạt giải pháp về từ thiện và phúc lợi xã hội.

Trong khi suy thoái kinh tế tại Sierra và khu vực cao nguyên làm nông dân điêu đứng, thì tốc độ tăng trưởng kinh tế dọc theo vùng duyên hải đã tạo ra nhiều thay đổi quan trọng về mặt xã hội. Dân di cư ra thành phố và miền ven biển ngày càng đông, đồng thời có sự phân hoá sâu sắc quyền sở hữu đất đai. Tiến trình công nghiệp hoá, đô thị hoá thời kỳ sau chiến tranh cũng như tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung đã tạo ra một tầng lớp chuyên nghiệp trung lưu mới làm thay đổi bối cảnh chính trị. Những thành phần trung lưu mới này hình thành nên cơ sở xã hội cho sự ra đời của hai đảng chính trị mới - Đảng Hành động của nhân dân (AP) và Đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo (PDC) - vào những năm 1950 và 1960 chống đối phe trùm sỏ bằng các chương trình cải cách dân chủ, trung hoà. Nhấn mạnh tầm quan trọng của công cuộc hiện đại hoá và phát triển vượt ra khỏi khuôn khổ nhà nước, họ cũng đặt ra thách thức mới đối với phe cánh tả cũ, đặc biệt là APRA.

Đảng APRA bắt đầu củng cố quan hệ với phái cánh hữu rồi liên kết cùng

kẻ thù trước đây của mình - phe trùm sỏ - qua việc đồng thuận ủng hộ ứng viên Manuel Prado y Ugarteche trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1956. Vì vậy, khá nhiều tân cử tri trở nên thất vọng với APRA và quay sang ủng hộ nhà cựu cải cách Fernando Belaunde Terry (1963-1968 và 1980-1985) - người lập ra đảng AP. Mặc dù Prado giành chiến thắng, nhưng 6 năm sau, lực lượng vũ trang đã can thiệp khi thấy kẻ thù cũ của mình là Torre - vừa trở về nước sau thời kỳ lưu vong - đã nỗ lực thắng cử Belaunde bằng tỷ lệ phiếu hơn chỉ gần 1% trong cuộc bầu Tổng thống năm 1962. Tướng Ricardo Peres Godoy lên cầm quyền một năm (1962-1963) rồi tổ chức cuộc bầu cử mới và lần này Belaunde - liên minh với đảng PDC - đã thắng Torre.

Chính quyền Belaunde tiến hành nhiều cải cách về thuỷ lợi, giáo dục, nhà ở, giao thông và đặc biệt là chế độ điền địa. Việc cải cách này đem lại lợi ích thiết thực, nhưng cũng hình thành những bất lợi - chẳng hạn sự mở rộng ngành giáo dục của Belaunde làm tăng đáng kể số trường đại học và sinh viên, nên cũng là nguồn làm tăng thành viên lực lượng cánh tả đối lập. Cuối nhiệm kỳ, Belaunde phải giảm giá trị đồng tiền Peru năm 1967, không thực hiện thanh toán được khoản vốn đầu tư nước ngoài năm 1968, cộng thêm bất mãn chính trị và xã hội gia tăng trong công chúng khiến quân đội lại phải đảo chính, đưa Tướng Juan Velasco Alvarado lên cầm quyền.

IX. Thất bại cải cách và suy sụp kinh tế

Velasco tiến hành những cải cách chưa từng thấy. Ông huỷ bỏ hệ thống chính trị hoạt động theo kiểu "tay ba" vốn có từ những năm 1930. Ông sung

công những khu đất trồng cây công-nông nghiệp dọc bờ biển và đến trước năm 1975, hơn một nửa lô đất trồng trọt đã được chuyển nhượng dưới hình thức cai quản của hợp tác xã. Ông cũng chấm dứt 60 năm nước ngoài thống trị nền kinh tế Peru; thi hành hàng loạt biện pháp xã hội để bảo vệ công nhân và thay đổi mức thu nhập để mở rộng thị trường nội địa. Hình thành nền kinh tế hỗn hợp, ông dần thay thế xuất khẩu bằng nhập khẩu và hoán vị các ngành công nghiệp. Ông xây dựng một quân đội mạnh về sức chiến đấu nhưng ôn hoà, trung dung về thái độ cùng quan điểm chính trị.

Kế nhiệm Velasco là Tổng thống Francisco Morales Bermudez Cerrutti (1975-1980). Ông khá vất vả khôi phục nền kinh tế suy yếu cùng tình trạng lạm phát nghiêm trọng do thiên tai, bị cấm vận dầu lửa từ năm 1973, gia tăng nợ quốc tế (Velasco đã vay mượn nước ngoài rất nhiều để thay thế nguồn vốn đã mất) và tệ nạn quan liêu. Cựu Tổng thống nổi tiếng Belaunde được tái cử một lần nữa với 45% số phiếu cho nhiệm kỳ 1980-1985, nhưng không vực dậy được nền kinh tế đang khủng hoảng. Nạn thất nghiệp và tình trạng thiếu việc làm ngày càng tăng, ảnh hưởng trực tiếp tới 2/3 lực lượng lao động. Tổng số nợ nước ngoài từ 9,6 tỷ USD năm 1980 cũng lên đến 13 tỷ vào cuối năm 1984.

Sự suy sụp kinh tế mang đến sự trượt giảm giá trị xã hội của Peru, đặc biệt là làm cô lập và đẩy lùi các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa. Nó khiến gia tăng sự bất mãn xã hội và chính trị, mà biểu hiện cao nhất là việc xuất hiện tổ chức du kích cực tả Con đường sáng (Sendero Luminoso - SL) từ năm 1980, kịch liệt chống phá chính phủ và bảo kê cho hoạt động

sản xuất, buôn bán ma tuý. Ngay ở thủ đô Lima, một nhóm du kích khác - Phong trào Cách mạng Tupac Amaru (Movimiento Revolucionaria Tupac Amaru-MRTA) - cũng hình thành, làm bất ổn chính quyền. Belaunde đàn áp mạnh nhưng thu được ít kết quả. Trong những năm 1980-1985, trên 6000 người Peru đã chết do nạn bạo lực cùng hơn 1 tỷ USD tài sản bị thiệt hại.

Không chế ngự nổi nền kinh tế xáo trộn và lực lượng du kích nổi loạn, trong cuộc bầu cử năm 1985, đảng của Belaunde phải chuyển giao chức Tổng thống cho người theo chủ nghĩa dân túy Alan Garcia Perez của APRA, chiến thắng với 48% số phiếu. Đảng của Belaunde thất bại thảm hại với chỉ 6% phiếu bầu, trong khi đó Liên minh Cánh tả thống nhất (Izquierda Unida - IU) nhận được hẳn 23%. Kết quả cuộc bầu cử cho thấy hầu hết cử tri đã ủng hộ phe cánh tả và để tạo nên chiến thắng này, APRA đã phải mất hơn nửa thế kỷ đấu tranh khó nhọc về chính trị.

X. Biến động thiên niên kỷ và thể chế ôn hòa

Trong hai năm đầu cầm quyền (1985 - 1987), với nhiều chỉnh đốn kinh tế - xã hội cùng phong cách của người theo chủ nghĩa dân túy và tài diễn thuyết lôi cuốn, Tổng thống dân cử trẻ nhất Peru Garcia (nhậm chức ngày 28/7/1985 lúc mới 36 tuổi) được tới trên 75% dân chúng ủng hộ. Nhưng tỷ lệ này dần giảm từ ngày 28/7/1987 khi ông bất ngờ tuyên bố quốc hữu hoá các ngân hàng quốc gia và công kính khu vực kinh tế tư nhân. Phân cực chính trị bắt đầu và chính phủ mất đi sự kết dính. Phe cánh hữu đang hấp hối đã tìm ra được mục tiêu,

ứng viên cho sự đổi mới của chính nó và chống lại chương trình của Garcia. Còn phe cánh tả chưa có mục tiêu thực sự trong việc ủng hộ giải pháp hay liên minh với APRA. Mức sống bị giảm nhanh chóng khi tiền lương bị xói mòn do lạm phát, phúc lợi cho công chúng cũng bị hạn chế mạnh và thiếu hụt trầm trọng các mặt hàng thiết yếu (điện, nước...). Nạn tham nhũng gia tăng. Phong trào nổi dậy và bạo lực chính trị bùng phát sâu rộng vì ngoài SL và MRTA còn có hoạt động của nhiều nhóm cảm tử dính líu đến chính phủ và lực lượng vũ trang. Số thiệt mạng do bạo lực chính trị trong thập kỷ 1980 đã lên đến 20.000 (riêng năm 1990 là 3384 người).

Các đảng phái chính trị lớn ngày càng mất uy tín do đã không đưa ra những chính sách hiệu quả, đáng tin cậy cho hệ thống cơ quan nhà nước đang bất lực và làm sai chức năng. Dân chúng chán ngán quay sang ủng hộ các chính khách mới. Alberto K. Fujimori cùng nhóm chính trị triết học và cải cách (Cambio) của ông mới bước vào chính trường từ năm 1989. Ông ra tranh cử với khẩu hiệu "Việc làm, Trung thực và Công nghệ" và đắc cử Tổng thống vào tháng 6/1990.

Fujimori lên nắm quyền mà không có một đội ngũ cố vấn chặt chẽ và chương trình điều hành cụ thể, nhưng ông khá tự tin, quyết đoán và táo bạo. Được giới quân sự hậu thuẫn, ngày 5/4/1992, ông xoá bỏ Hiến pháp 1979, giải tán Quốc hội và bắt giữ các lãnh tụ đối lập. Ngày 31/12/1993, Hiến pháp mới được ban hành, tạo lập cho Peru một chính thể phù hợp hơn với một Quốc hội đơn (không còn hai viện như trước); đồng thời lại có nhiều cơ quan chia sẻ, đối trọng quyền lực trung ương cho dù Tổng thống vẫn là thiết chế cao nhất.

Trong 10 năm cầm quyền (tái đắc cử vào năm 1995), Fujimori đã tiến hành những cải cách chính trị - xã hội mạnh mẽ và triệt để, cương quyết đấu tranh chống buôn lậu ma tuý, chế áp và làm tan vỡ các tổ chức, phong trào du kích vũ trang, thực hiện nhiều chương trình phúc lợi công cộng và an sinh xã hội, thu hút viện trợ và đầu tư nước ngoài (nhất là từ Nhật Bản, Mỹ). Ông đã đưa Peru từ một đất nước ngập trong khủng hoảng, bạo lực, ma tuý và nội chiến kéo dài vào thời kỳ ổn định sâu rộng, phát triển nhanh với nền kinh tế tăng trưởng theo nhịp độ cao nhiều năm liền. Tháng 12/1999, Quốc hội thông qua luật mới, cho phép Tổng thống có thể được tái cử nhiều lần. Fujimori ra tranh cử nhiệm kỳ thứ ba (2000 - 2005) và đã đắc cử vào tháng 5/2000.

Năm 2000 chuyển giao thiên niên kỷ cũng là năm đầy biến động bất ngờ trong đời sống chính trị - xã hội Peru. Hàng loạt cuộc biểu tình của sinh viên, công nhân, thương gia... bùng phát ở các đô thị đòi việc làm, dân chủ. Khủng hoảng kèm bạo lực tái diễn. Người ta cho rằng có nhiều âm mưu và mất dân chủ trong cuộc bầu và đắc cử nhiệm kỳ ba của Fujimori. Tình trạng náo loạn gia tăng khiến ngày 16/9/2000, Tổng thống tuyên bố giải thể Cục Tình báo quốc gia (SIN), đồng thời kêu gọi tổng tuyển cử càng sớm càng tốt và ông sẽ không ra ứng cử Tổng thống nữa. Bộ trưởng Tư pháp cho biết nhiệm kỳ Tổng thống và Quốc hội khoá 2000-2005 rút ngắn chỉ còn 1 năm, tức là kết thúc vào tháng 7/2001.

Nhưng ngày 20/11/2000, sau khi dự Hội nghị APEC, Tổng thống Fujimori quay về Nhật Bản (quê gốc của ông) và từ Nhật Bản đột ngột fax đơn về Quốc hội Peru để xin từ chức - hành vi

có một không hai trong lịch sử chính trị thế giới hiện đại. Cùng ngày, Phó Tổng thống thứ hai Raul Markquez cũng đệ đơn từ chức (trước đó, tháng 10/2000, Phó Tổng thống thứ nhất Fernando Tudenla xin từ chức nhưng không được chấp thuận). Theo Hiến pháp 1993, hoặc Phó Tổng thống, hoặc Chủ tịch Quốc hội sẽ lên làm Quyền Tổng thống cho đến cuộc bầu cử tiếp sau. Chủ tịch Quốc hội Valentin Paniagua (người của phe đối lập, được 11 đảng phái ủng hộ), đã được chỉ định là Quyền Tổng thống cho đến cuộc bầu cử mới tháng 4 /2001.

Ngày 3/6/2001, hơn 15 triệu cử tri Peru đã đi bỏ phiếu quyết định chọn Tổng thống mới, thay thế Tổng thống tạm quyền Paniagua. Ứng viên Alejandro Toledo của đảng Có thể - một nhà kinh tế 55 tuổi, từng tranh cử Tổng thống năm 1995 và 2000 - đã đắc cử với 52% phiếu bầu, thắng đối thủ là cựu Tổng thống Garcia chỉ được gần 48%. Toledo là vị Tổng thống da đỏ đầu tiên, cầm quyền từ tháng 7/2001 với nhiều cải cách xã hội. Ông chủ trương xây dựng một thể chế ôn hoà và hạn chế sự can thiệp của lực lượng vũ trang. Rất thông thạo về tình hình thương mại quốc tế, ông cam kết sẽ cấp vốn vay cho nông dân, cân đối ngân sách, tạo công ăn việc làm, thu hút đầu tư. Nhưng trong ba năm cầm quyền vừa qua, ông khá vất vả và chưa tạo được sự ủng hộ nhiều của dân chúng (sự ủng hộ lúc mới được bầu lên tới 60% nhưng hiện nay

có lúc tụt xuống 11%). Còn cựu Tổng thống Fujimori bị toà án cáo buộc hơn 10 tội danh (tham nhũng, bắt cóc, tra tấn, ra lệnh giết người...) và Interpol phát lệnh truy nã quốc tế, nhưng bây giờ vẫn sống an toàn tại Nhật Bản do khai sinh tại đây và pháp luật Nhật Bản không cho phép dẫn độ công dân của mình ra nước ngoài. Fujimori phủ nhận mọi lời cáo buộc, cho rằng đó chỉ là bịa đặt phục vụ mưu đồ chính trị và thậm chí ông ta còn nói có thể sẽ quay về Peru để ứng cử Tổng thống cho nhiệm kỳ 2006-2011 ■

Tài liệu tham khảo:

1. Henry F. Dobyns & Paul L. Doughty, *Peru: A Cultural History*, Oxford University Press, New York, 1996.
2. Paul Gootenberg, *Between Silver and Guano: Commercial Policy and the State in Postindependence Peru*, Princeton University Press, Princeton, 1998.
3. Jeffrey Frieden, Manuel Pastor Jr. & Michael Tomz, *Modern Political Economy and Latin America*, Westview Press, Boulder, 2000.
4. Harvey F. Kline & Howard J. Wiarda, *Latin American Politics and Development*, Westview Press, Boulder, 2000.
5. Benjamin Keen, *Latin American Civilization*, Westview Press, Boulder, 2000.
6. Orin Stern & Robin Kirk, *The Peru Reader: History, Culture, Politics*, Duke University Press, Durham, 2002.
7. Các website: www.perupost.com/...; www.politicalresources.net/peru...; www.perulink.com/pages/english/Government_and_Politics/...